

Đề chính thức

Mã đề: 621

Họ tên : Số báo danh :

PHẦN I (4,5 điểm). *Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.* Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ hiện nay là

- A. sử dụng giống mới, phòng chống dịch bệnh, mở rộng thị trường.
- B. đảm bảo nguồn thức ăn, mở rộng các trang trại, đẩy mạnh chế biến.
- C. chăn nuôi tập trung gắn với chế biến, áp dụng nhiều mô hình hiện đại.
- D. cải tạo đồng cỏ, lai tạo giống mới, tăng cường ứng dụng công nghệ.

Câu 2: Cây ăn quả ở nước ta hiện nay

- A. chưa xuất hiện mô hình trồng hữu cơ.
- B. chiếm tỉ trọng cao nhất trong trồng trọt.
- C. chủ yếu cây có nguồn gốc nhiệt đới.
- D. chủ yếu tiêu thụ sản phẩm trong nước.

Câu 3: Lượng nhiệt, ẩm dồi dào của khí hậu nước ta đã tạo thuận lợi nào sau đây cho phát triển nông nghiệp?

- A. Hình thành các vùng chuyên canh.
- B. Phát triển các loại cây cận nhiệt.
- C. Sự phân hóa mùa vụ giữa các vùng.
- D. Khả năng tăng vụ, tăng năng suất.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tài nguyên khoáng sản rất phong phú.
- B. Tập trung nhiều trung tâm kinh tế lớn.
- C. Cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt.
- D. Nguồn lao động có trình độ kĩ thuật.

Câu 5: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được thể hiện qua thành phần địa hình của nước ta là

- A. Hình thành 3 đai cao tự nhiên, địa hình phân hóa đa dạng.
- B. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
- C. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi, bồi tụ nhanh ở khu vực đồng bằng.
- D. Địa hình có hai hướng chính, vùng núi Tây Bắc cao nhất cả nước.

Câu 6: Đô thị nước ta hiện nay

- A. chỉ có lao động công nghiệp
- B. đóng góp còn ít vào GDP.
- C. trình độ phát triển rất hiện đại.
- D. có sức hút lớn đối với đầu tư.

Câu 7: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi nước ta là

- A. đất phù sa.
- B. đất xám bạc màu.
- C. đất feralit.
- D. đất mùn thô.

Câu 8: Thế mạnh chủ yếu của Nam Trung Bộ về đánh bắt hải sản là

- A. có các ngư trường trọng điểm, giàu có hải sản.
- B. giáp với thị trường tiêu thụ lớn là Đông Nam Bộ.
- C. bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh, đầm phá.
- D. lao động có nhiều kinh nghiệm đánh bắt xa bờ.

Câu 9: Vị trí địa lí nước ta

- A. nằm ở khu vực phía đông của châu Á.
- B. liền kề với các vành đai sinh khoáng.
- C. tiếp giáp Ấn Độ Dương và Biển Đông.
- D. ở trung tâm của bán đảo Đông Dương.

Câu 10: Thế mạnh chủ yếu của Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển vùng quy hoạch sản xuất lương thực quy mô lớn là

- A. đồng bằng châu thổ rộng lớn, khí hậu có tính cận xích đạo.
- B. khí hậu có tính cận xích đạo, phân hoá hai mùa mưa khô rõ rệt.
- C. đồng bằng châu thổ lớn, có đất phù sa sông với diện tích rộng.
- D. sông ngòi, kênh rạch dày, nhiều nước; nhiều vùng trũng rộng.

Câu 11: Cơ cấu lao động theo khu vực thành thị và nông thôn nước ta hiện nay

- A. có tỉ lệ khu vực thành thị giảm.
- B. thay đổi do công nghiệp hóa.

- C. không có sự thay đổi qua các năm. D. có tỉ lệ khu vực nông thôn tăng.

Câu 12: Giao thông vận tải đường biển ở nước ta hiện nay

- A. chưa hiện đại hóa về phương tiện. B. mạng lưới ngày càng được mở rộng.
C. chỉ tập trung phát triển ở phía nam. D. chủ yếu phục vụ cho ngành du lịch.

Câu 13: Đàn gia cầm ở nước ta có xu hướng tăng chủ yếu là do

- A. có nguồn thức ăn dồi dào từ cây lương thực.
B. nhu cầu thịt, trứng tiêu dùng ngày càng tăng.
C. dịch vụ thú y được chú trọng phát triển hơn.
D. nước ta có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

Câu 14: Mục đích chủ yếu của việc trồng cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy mạnh thâm canh, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.
B. đa dạng hóa nông nghiệp, thu hút đầu tư, tạo thế mở cửa cho vùng.
C. nâng cao dân trí, tận dụng tài nguyên, tạo nông sản chất lượng cao.
D. tạo nông sản giá trị, tăng thu nhập, góp phần phát triển sản xuất.

Câu 15: Vùng Đông Nam Bộ có thế mạnh về kinh tế - xã hội nào sau đây?

- A. Là địa bàn thu hút đông đảo lao động có chuyên môn cao.
B. Mật độ trung tâm công nghiệp dày đặc nhất cả nước.
C. Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất nước ta.
D. Mật độ và chất lượng dân số dẫn đầu cả nước.

Câu 16: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, tổng số giờ nắng ở một số trạm khí tượng của Việt Nam.

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}C$)	Tổng số giờ nắng (giờ/năm)
Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn)	21,3	1489
Láng (thành phố Hà Nội)	23,9	1561
Huế (thành phố Huế)	25,1	1916
Cà Mau (tỉnh Cà Mau)	27,1	2186

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng năm 2022)

Theo bảng số liệu, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không** đúng với khí hậu nước ta?

- A. Tổng số giờ nắng, nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ bắc vào nam.
B. So với Láng, Huế có số giờ nắng cao hơn và nhiệt độ cũng cao hơn.
C. Cà Mau có nền nhiệt cao là do gần xích đạo, tác động của Tín phong.
D. Hà Nội có số giờ nắng thấp chủ yếu do gần biển, nhiều mây, mưa lớn.

Câu 17: Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịch do

- A. công cuộc đổi mới, trình độ lao động tăng, tài nguyên phong phú, đổi mới công nghệ.
B. xu hướng tiêu dùng, đổi mới công nghệ, cơ sở hạ tầng hiện đại, công cuộc đổi mới.
C. chính sách đổi mới, nhu cầu thị trường, đầu tư nước ngoài tăng, đổi mới công nghệ.
D. trình độ lao động cao, hội nhập quốc tế, đầu tư nước ngoài tăng, đáp ứng thị trường.

Câu 18: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển nhanh?

- A. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đối tượng nuôi đa dạng.
B. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn, kỹ thuật đổi mới.
C. Thị trường tiêu thụ mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển.
D. Công nghiệp chế biến phát triển, chất lượng lao động tăng.

PHẦN II (4 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc giáp với hai quốc gia là Trung Quốc và Lào; giáp các vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ. Vùng có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới theo hướng sản xuất hàng hóa là một trong những thế mạnh của vùng.

- a) Mục đích chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là để đảm bảo an ninh lương thực và tạo mặt hàng xuất khẩu.
- b) Trung du và miền núi phía Bắc là vùng chuyên canh cây chè của nước ta hiện nay chủ yếu do khí hậu lạnh và đất feralit.
- c) Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của vùng là thu hút vốn đầu tư, hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ.
- d) Trung du và miền núi phía Bắc có vị trí quan trọng về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta.

Câu 2. Cho thông tin sau:

“Tài nguyên than, dầu thô và khí tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam, cung cấp năng lượng cho sản xuất, vận tải và các ngành công nghiệp khác. Than được khai thác nhiều ở Quảng Ninh, đóng góp lớn vào sản xuất điện. Dầu thô là nguồn tài nguyên chiến lược, được khai thác ở vùng thềm lục địa phía nam. Nước ta đã đẩy mạnh hoạt động khai thác dầu và phát triển ngành công nghiệp dầu khí, thu hút đầu tư nước ngoài và tạo ra nguồn thu nhập cho quốc gia. Khí tự nhiên cũng là một tài nguyên quan trọng, được khai thác chủ yếu ở phía nam. Khí tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong sản xuất điện và cung cấp nhiên liệu cho các ngành công nghiệp”.

- a) Khai thác khí tự nhiên ở nước ta dùng chủ yếu để phục vụ xuất khẩu và ngành hoá, lọc dầu với một số nhà máy lọc dầu lớn như Dung Quất (Quảng Ngãi), Nghi Sơn (Thanh Hoá).
- b) Than khai thác ở nước ta chủ yếu cung cấp cho nhà máy nhiệt điện phía Nam, luyện kim và xuất khẩu.
- c) Giải pháp chủ yếu đối với ngành khai thác dầu khí ở nước ta là tăng cường liên doanh với nước ngoài, áp dụng công nghệ tiên tiến của thế giới trong thăm dò, khai thác và chế biến.
- d) Việc ứng dụng cơ giới hoá, tự động hoá trong khai thác than ở nước ta đã góp phần tăng năng suất lao động, tính an toàn, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

Câu 3: Cho bảng số liệu sau:

Số lượng gia cầm và sản lượng thịt gia cầm nước ta, giai đoạn 2015 – 2022

Năm	2015	2017	2019	2021	2023
Số lượng gia cầm (triệu con)	369,5	407,1	480,3	524,2	545,4
Sản lượng thịt gia cầm (nghìn tấn)	997,4	1238,4	1669,6	2026,1	2178,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, nxb Thống kê Việt Nam 2024)

- a) Giai đoạn 2015 - 2023, số lượng gia cầm tăng liên tục, tăng hơn 1,5 lần.
- b) Tốc độ tăng sản lượng thịt gia cầm nhanh hơn số lượng gia cầm là 133,8%.
- c) Số lượng gia cầm tăng liên tục và tăng nhanh hơn sản lượng thịt gia cầm.
- d) Giai đoạn 2015 - 2023, sản lượng thịt gia cầm tăng liên tục, tăng 118,4%.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Hà Nội luôn ở trong danh sách 10 thành phố ô nhiễm nhất thế giới. Theo thông tin từ ứng dụng theo dõi, dự báo chất lượng không khí IQAir, từ đầu tháng 3 đến nay, Hà Nội chịu tác động của bụi mịn ở mức độ cao. Chỉ số chất lượng không khí (AQI) có lúc đã vượt quá 300 (cảnh báo đỏ đậm) và nhiều khu vực ở mức trên 200 (cảnh báo tím), gần như ngày nào chất lượng không khí tại Hà Nội cũng ở mức xấu (không tốt cho sức khỏe), có ngày còn ở mức rất xấu.

(Nguồn: thanhnien.vn - ngày 5/3/2024)

- a) Ô nhiễm không khí là sự thay đổi nhiệt độ, tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần không khí, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người và sinh vật.
- b) Hiện tượng nghịch nhiệt ở Hà Nội diễn ra chủ yếu vào mùa đông khi gió lặng, mưa phùn dài ngày làm gia tăng bụi mịn PM2.5, làm giảm tầm nhìn, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người.

c) Ở Hà Nội, mùa đông chỉ số ô nhiễm không khí thường thấp hơn so với mùa hè vì nhiệt độ và độ bốc hơi thấp hơn.

d) Ở nước ta ô nhiễm không khí chủ yếu diễn ra ở các thành phố lớn do dân cư tập trung đông, mật độ giao thông lớn và hoạt động của ngành công nghiệp.

PHẦN III (1,5 điểm). Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta năm 2016 và 2025

Năm	2016	2025
Diện tích (triệu ha)	7,7	7,1
Sản lượng (triệu tấn)	43,1	46,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016 và năm 2025, Nxb thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2025 so với năm 2016 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư của Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2020	2022
Tỉ suất nhập cư	24,8	12,8	20,4	10,3
Tỉ suất xuất cư	4,9	3,1	1,7	2,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ tăng dân số cơ học của Đông Nam Bộ năm 2022 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô của cả nước và Hà Nội năm 2024.

(Đơn vị: ‰)

Địa phương	Tỉ suất sinh thô	Tỉ suất tử thô
Cả nước	14,2	5,7
Hà Nội	14,0	4,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên năm 2024 của Hà Nội lớn hơn cả nước bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Quy mô dân số nước ta năm 2024 là 100,4 triệu người, bình quân sản lượng lúa theo đầu người là 434,3 kg/người. Tính sản lượng lúa của nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu tấn? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của triệu tấn).

Câu 5: Năm 2021, sản lượng điện từ nguồn năng lượng tái tạo nước ta là 30,12 tỉ kwh chiếm 12,3% tổng sản lượng điện. Tổng sản lượng điện nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ kwh? (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị của tỉ kwh).

Câu 6: Năm 2022, giá trị xuất khẩu của nước ta là 371,3 tỉ USD, cán cân xuất nhập khẩu là 12400 triệu USD. Vậy, giá trị nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).